

Bản án số: 54/2024/HNGĐ - ST

Ngày 28/9/2024

V/v " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng  
con chung khi ly hôn "

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Như Long

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Thu Hương

2. Bà Trần Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quyết Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc " Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST - HNGĐ ngày 13/9/2024 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Anh **Trần Quang A**.

Địa chỉ: **Tổ B, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai** - Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

2- **Bị đơn:** Chị **Ngô Diệu H**.

Địa chỉ: **Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai** – Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Anh Trần Quang A trình bày:** Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024 và các bản tự khai của anh **Trần Quang A** cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì anh **Trần Quang A** và chị **Ngô Diệu H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai** vào ngày ngày 14/4/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc anh **Trần Quang A** làm đơn xin ly hôn chị **Ngô Diệu H** là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, dẫn

đến vợ chồng cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình, anh em khuyên giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng từ đầu năm 2023 cho đến nay. Không ai quan tâm thăm hỏi gì nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh **Trần Quang A** có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với chị **Ngô Diệu H**.

**Về con chung:** Anh **Trần Quang A** xác nhận anh và chị **Ngô Diệu H**, chung sống với nhau đến nay đã có 01 con chung. Cháu **Trần Huyền A1** - Sinh ngày: 05/5/2022. Hiện nay cháu khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cháu đang ở cùng với chị **H** tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Khi ly hôn anh **Trần Quang A** có yêu cầu và nguyện vọng để chị **Ngô Diệu H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Trần Huyền A1** cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Nếu chị **H** có yêu cầu thì Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu theo quy định của pháp luật.

**Về tài sản chung:** Anh **Trần Quang A** xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị **Ngô Diệu H** chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về công nợ chung:** Anh **Trần Quang A** xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị **Ngô Diệu H** không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị **Ngô Diệu H** trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, chị **H** cùng con nhỏ đi đâu làm gì, chính quyền địa phương không biết. Tại nơi cư trú chị **Ngô Diệu H** không có ai là người thân thích họ hàng, do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị **Ngô Diệu H** Tòa án không thể tiến hành được, đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng biện pháp niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để chị **Ngô Diệu H** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên chị **Ngô Diệu H** đến nay bản thân chị không những không trả lời Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi dưỡng con chung của **Trần Quang A** mà thậm chí chị **Ngô Diệu H** cố tình trốn tránh, thường xuyên vắng mặt tại địa phương nơi cư trú, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Trình bày những quan điểm về xác định thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách



người tham gia tố tụng và các biện pháp thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật cố tình trốn tránh, không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho anh **Trần Quang A** ly hôn với chị **Ngô Diệu H**.

**Về con chung:** Giao cháu **Trần Huyền A1** - Sinh ngày: 05/5/2022 cho chị **Ngô Diệu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Trần Huyền A1** trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Trần Quang A** không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

**[1]. Về quan hệ hôn nhân:** Anh **Trần Quang A** và chị **Ngô Diệu H** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai** vào ngày 14/4/2022. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đã có 01 con chung, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến việc anh **Trần Quang A** làm đơn xin ly hôn chị **Ngô Diệu H** là do quan điểm, cách sống của vợ chồng không thống nhất với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống chung không hạnh phúc. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không ai quan tâm gì đến nhau và cũng không có trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ngày 01/7/2024 anh **Trần Quang A** làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với chị **Ngô Diệu H**.

Đối với chị **Ngô Diệu H** trong quá trình giải quyết vụ án thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú do vậy việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị **Ngô Diệu H** Tòa án không thể tiến hành được đã phải thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng bằng biện pháp niêm yết để chị **Ngô Diệu H** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên chị **Ngô Diệu H** sau khi hết thời hạn niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án bản thân chị không những không trả lời



Tòa án bằng văn bản về những yêu cầu và nguyện vọng của mình đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi dưỡng con chung của anh **Trần Quang A** mà thậm chí chị **Ngô Diệu H** cố tình trốn tránh, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay anh **Trần Quang A** vắng mặt (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với chị **Ngô Diệu H** với lý do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của anh **Trần Quang A** trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với các qui định tại khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và Gia đình.

**[2]. Về con chung:** Tại phiên tòa hôm nay căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định anh **Trần Quang A** và chị **Ngô Diệu H**, chung sống với nhau đến nay đã có 01 con chung cháu **Trần Huyền A1** - Sinh ngày: 05/5/2022. Hiện nay cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì. Hiện tại cháu **Trần Huyền A1** đang ở với chị **H** tại **thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Khi ly hôn anh **Trần Quang A** có yêu cầu và nguyện vọng để chị **H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Trần Huyền A1** cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Trần Quang A** không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung. Với lý do hiện nay cháu **Trần Huyền A1** còn nhỏ, hiện tại cháu đang ở với chị **H** ổn định. Mặt khác bản thân chị **H** cũng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của anh **Trần Quang A** và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc để chị **Ngô Diệu H** được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Trần Huyền A1** là có căn cứ. Bởi lẽ hiện tại bản thân cháu còn nhỏ, hiện đang ở với chị **H** ổn định. Mặt khác bản thân chị **H** qua xác minh tại đại phương nơi cư trú thì chị **H** có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu nhỏ cho đến khi cháu trưởng thành. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cho cháu về tâm lý cũng như trong sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh **Trần Quang A** về việc nuôi dưỡng con chung và giao cháu **Trần Huyền A1** cho chị **Ngô Diệu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

**[3] Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án anh **Trần Quang A** xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị **Ngô Diệu H** chưa tạo dựng được tài sản gì chung. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về công nợ chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án anh **Trần Quang A** xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị **Ngô Diệu H** không vay mượn của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Viện kiểm sát không đề cập. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[5]. Về án phí:** Anh **Trần Quang A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh **Trần Quang A** ly hôn với chị **Ngô Diệu H.**

**2. Về con chung:** Giao cháu **Trần Huyền A1**; Sinh ngày: 05/5/2022 cho chị **Ngô Diệu H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu **Trần Huyền A1** trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh **Trần Quang A** không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, anh **Trần Quang A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Anh **Trần Quang A** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000948 ngày 05/7/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Xác nhận anh **Trần Quang A** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Chi Cục THA dân sự huyện Bảo Thắng;
- UBND phường Pom Hán, TP Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu HS – TA - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Như Long**

